

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ thực hiện đề tài

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ vào Quyết định số 534/QĐ ngày 18 tháng 5 năm 1989 của Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy Nghề (Nay là Bộ Giáo dục và Đào tạo) Về việc thành lập "Trung tâm nghiên cứu, thực nghiệm khai thác mỏ" trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 1896/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Khai thác mỏ sang hoạt động theo cơ chế tự trang trải kinh phí theo quy định tại Nghị định 115/2005/NĐ-CP;

Căn cứ vào Quyết định số 183/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất V/v Ban hành Quy định về Quản lý các Trung tâm Khoa học và Công nghệ trực thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động khoa học công nghệ số A-325 do Bộ khoa học và công nghệ cấp ngày 23 tháng 4 năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 114/NQ-HĐT ngày 03 tháng 8 năm 2023 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất Về việc giao phụ trách Trung tâm Khoa học Công nghệ Mỏ và Môi trường;

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 0521/2024/HĐKT ngày 21 tháng 05 năm 2024 giữa Công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao công nghệ môi trường Thăng Long và Trung tâm Khoa học Công nghệ mỏ và Môi trường;

Căn cứ vào yêu cầu công tác và năng lực thực tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng số 0521/2024/HĐKT ngày 21 tháng 05 năm 2024 bao gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Tổ chuyên môn có nhiệm vụ tổ chức thực hiện triển khai đầy đủ các nội dung có trong Hợp đồng số 0521/2024/HĐKT ngày 21 tháng 05 năm 2024 đã ký kết. Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm của Hợp đồng và hoàn tất các thủ tục hồ sơ, pháp lý liên quan đến Hợp đồng.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Tổ trưởng (Chủ nhiệm nhiệm vụ) phân công. Tổ chuyên môn tự giải thể sau khi hoàn tất các thủ tục thanh lý Hợp đồng.

Các thành viên trong Tổ chuyên môn được hưởng các quyền lợi theo quy định hiện hành.



Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các đồng chí phó giám đốc, kế toán trưởng và các cán bộ có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các PGĐ (để phối hợp chỉ đạo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



TS Đào Văn Chi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ
HÀ NỘI
TRUNG TÂM
KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG

DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN MÔN
THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NCKH
theo hợp đồng số 0521/2024/HĐKT ngày 21 tháng 05 năm 2024
(Kèm theo Quyết định số 01-44-2024/QĐ-TTM ngày 21/5/2024
của Giám đốc Trung tâm KHCN Mỏ và Môi trường)

TT	Họ và tên	Chức danh	Chuyên môn	Nhiệm vụ
1	TS Đào Văn Chi	PGĐ phụ trách	Khai thác mỏ	Tổ trưởng/Chủ nhiệm
2	TS Đỗ Anh Sơn	Cán bộ	Khai thác mỏ	Thành viên
3	ThS Nguyễn Hồng Cường	Cán bộ	Khai thác mỏ	Thành viên
4	PGS. TS Phạm Trung Sơn	Cán bộ	Điện khí hóa	Thành viên
5	ThS Đoàn Kim Bình	Cán bộ	Kỹ thuật cơ khí	Thành viên



44/2024/TTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 0521/2024/HĐKT

Căn cứ các văn bản pháp luật:

- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 quy định nguyên tắc bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Luật tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ban hành ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội nước CHXHCNVN khóa XIII kỳ họp thứ 3;
- Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/1/2017 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Thông tư 02/2022/TT - BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
- Căn cứ vào khả năng của Trung tâm Khoa học công nghệ mỏ và môi trường.

Hôm nay, ngày 21 tháng 05 năm 2024 tại công ty TNHH Tư vấn và Chuyển giao Công nghệ Môi trường Thăng Long, chúng tôi gồm có:

1. Bên giao (gọi tắt là Bên A):

- Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG**
- Địa chỉ : Số 26 ngách 1 ngõ Toàn Thắng, phố Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận. Đống Đa, tp. Hà Nội
- Người đại diện : **Ông Nguyễn Đắc Dương** Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 0422422104
- Tài khoản số : 1460 4311 03 000792 Tại NH: AGRIBANK CN Nam Hà Nội
- Mã số thuế : 0101643166

2. Bên nhận (gọi tắt là Bên B)

- Tên đơn vị: **TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG**
- Địa chỉ : tầng 1 nhà A, trường Đại học Mỏ - Địa Chất, 18 Phố Viên, phường Đức Thắng, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện : **Ông Đào Văn Chi** Chức vụ: Phó giám đốc phụ trách (theo Nghị quyết số 114/NQ- HĐT ngày 03/08/2023)
- Điện thoại : 024 3752 0356 Fax: 024 3752 0356



- Tài khoản số : 3100 211 000113
- Tại ngân hàng : AGRIBANK – CN Từ Liêm Hà Nội.
- Mã số thuế : 0100 763 654

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc và sản phẩm của Hợp đồng

- Bên A giao cho Bên B thực hiện hợp đồng kinh tế viết các chuyên đề phục vụ cho việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoằng Hóa, t Thanh Hóa
- Công việc bao gồm: (có phụ lục kèm theo)

Điều 3: Giá trị hợp đồng:

Giá trị hợp đồng: **474.120.000 đồng** (đã bao gồm VAT thuế 8%)

(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tư triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)

Điều 4: Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Bên A thanh toán một lần cho bên B sau khi hai bên tiến hành ký biên bản thanh lý hợp đồng.
- Bên B có trách nhiệm xuất hóa đơn thuế VAT cho bên A và bên A phải thanh toán toàn bộ kinh phí của hợp đồng.

Điều 5: Sản phẩm của hợp đồng

- Sản phẩm của hợp đồng là 01 ổ cứng USB chứa toàn bộ file số dữ liệu các chuyên đề phục vụ cho lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoằng Hóa, t Thanh Hóa

Điều 6: Trách nhiệm của mỗi bên

6.1 Trách nhiệm của bên A:

- Cử cán bộ chuyên môn theo dõi và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng
- Cung cấp đầy đủ và kịp thời các thông tin liên quan tới việc lập hồ sơ
- Cung cấp đầy đủ các hồ sơ, tài liệu liên quan có đầy đủ các thông tin và số liệu cần thiết để phục vụ cho các việc lập hồ sơ.
- Thanh toán đầy đủ cho bên B đúng như điều 4.

6.2 Trách nhiệm của bên B:

- Cam kết thực hiện đúng các nhiệm vụ theo các nội dung đã ghi trong thỏa thuận và nội dung hợp đồng.
- Báo cáo phải tuân thủ các quy định Nhà nước.

Điều 7: Điều khoản chung

Hợp đồng này chỉ được sửa đổi bổ sung khi đã được hai bên nhất trí bằng văn bản. Hai bên cam kết thực hiện đúng những thỏa thuận ghi trong hợp đồng đã ký. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh về khối lượng công việc, hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần thương lượng và cùng có lợi. Nếu không giải

quyết được sẽ giải quyết ở Tòa án Kinh tế Nhà nước hoặc cấp tương đương theo pháp luật hiện hành. Mọi chi phí cho giải quyết khiếu kiện do bên có lỗi chịu.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được làm 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



ĐẠI DIỆN BÊN B



DỰ TOÁN

Các chuyên đề phục vụ lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường
dự án: ĐTXD KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoàng Hóa, t Thanh Hóa

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sơ bộ mô tả về dự án: tên dự án, chủ dự án, địa điểm thực hiện dự án, quy mô hoạt động, máy móc, thiết bị sử dụng trong hoạt động, Nguyên, nhiên vật liệu sử dụng, nhu cầu và nguồn cấp điện, nước	Chuyên đề	1	8.000.000	8.000.000
2	Các hạng mục Công trình và hoạt động của dự án	Chuyên đề	1	8.000.000	8.000.000
3	Sơ bộ về địa lý, địa chất, khí tượng thủy văn, kinh tế xã hội: dân cư - lao động, trình độ phát triển kinh tế, hiện trạng xã hội, văn hóa - du lịch và các hạ tầng cơ sở, giao thông khu vực thực hiện Dự án.	Chuyên đề	1	8.000.000	8.000.000
4	Sơ bộ đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường không khí.	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
5	Sơ bộ đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường nước	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
6	Sơ bộ đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường đất	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
7	Sơ bộ đánh giá hiện trạng tài nguyên sinh học khu vực thực hiện dự án	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
8	Sơ bộ nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
9	Sơ bộ mô tả, đánh giá tác động đến môi trường không khí (bụi, khí thải...) trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
10	Sơ bộ mô tả, đánh giá tác động đến môi trường không khí (bụi, khí thải...) trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
11	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do nước thải trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
12	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do nước thải trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
13	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
14	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
15	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do chất thải rắn thông thường trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
16	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do chất thải rắn thông thường trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
17	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
18	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động do chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
19	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động từ tiếng ồn, rung trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000
20	Sơ bộ mô tả, Đánh giá tác động từ tiếng ồn, rung trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	15.000.000	15.000.000

21	Sơ bộ ĐTM từ các nguồn gây tác động không liên quan tới chất thải trong giai đoạn thi công dự án: các tác động đến cảnh quan môi trường, đời sống kinh tế xã hội của người dân khu vực dự án...	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
22	Sơ bộ ĐTM từ các nguồn gây tác động không liên quan tới chất thải trong giai đoạn vận hành dự án: các tác động đến cảnh quan môi trường, đời sống kinh tế xã hội của người dân khu vực dự án...	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
23	Sơ bộ đánh giá các tác động do rủi ro và sự cố môi trường giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
24	Sơ bộ đánh giá các tác động do rủi ro và sự cố môi trường giai đoạn vận hành.	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
25	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường không khí giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
26	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực tới MT không khí giai đoạn vận hành.	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
27	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do nước thải trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
28	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do nước thải trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
29	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
30	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải rắn sinh hoạt trong GD vận hành	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
31	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
32	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực do chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
33	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ tiếng ồn, rung trong giai đoạn thi công	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
34	Sơ bộ đề xuất các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực từ tiếng ồn, rung trong giai đoạn vận hành	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
35	Nghiên cứu đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động đến cảnh quan môi trường, đời sống kinh tế xã hội của người dân khu vực dự án.	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
36	Nghiên cứu đề xuất các biện pháp giảm thiểu rủi ro và sự cố tới môi trường giai đoạn thi công và giai đoạn vận hành.	Chuyên đề	1	10.000.000	10.000.000
	Cộng				439.000.000
	Thuế		VAT	8%	35.120.000
	Tổng cộng				474.120.000
Bảng chữ: Bốn trăm bảy mươi tư triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn/					


ĐẠI DIỆN BÊN A
 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 TƯ VẤN VÀ
 CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ
 MÔI TRƯỜNG
 THÀNH LONG
 Q. ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI
 TS. Nguyễn Đức Dương


ĐẠI DIỆN BÊN B
 TRUNG TÂM
 KHOA HỌC
 CÔNG NGHỆ
 MỎ VÀ
 MÔI TRƯỜNG
 TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
 TS. Đào Văn Chi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO SẢN PHẨM

Viết các chuyên đề phục lập báo cáo ĐTM

dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 0521/2024/HĐKT ký ngày 21/05/2024 giữa công ty TNHH Tư vấn và chuyển giao công nghệ môi trường Thăng Long và Trung tâm Khoa học công nghệ mở và môi trường.

Hôm nay, ngày 18..tháng 3..năm 2025 chúng tôi gồm:

A. Thành phần tham gia nghiệm thu:

I. BÊN A: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

Ông: Nguyễn Đắc Dương

Chức vụ: Giám đốc

Ông: Nguyễn Tuấn Vũ

Chức vụ: Nhân viên

II. BÊN B: TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỞ VÀ MÔI TRƯỜNG

Ông: Đào Văn Chi

Chức vụ: Giám đốc

Ông :

Chức vụ: Nhân viên

B. Nội dung

I. Nghiệm thu sản phẩm

1. Thời gian nghiệm thu

- Bắt đầu: giờ.....phút, ngày 18..tháng 3..năm 2025

- Kết thúc: giờ.....phút, ngày 18..tháng 3..năm 2025

2. Khối lượng công việc

- 01 ổ cứng USB chứa dữ liệu toàn bộ file số dữ liệu các chuyên đề phục vụ cho lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoàng Hóa, t. Thanh Hóa

3. Chất lượng hồ sơ

- Các báo cáo được thực hiện đúng hợp đồng ký kết giữa hai bên
- Phù hợp với yêu cầu của bên A

II. Hồ sơ bàn giao

Số lượng 01 ổ cứng USB chứa toàn bộ file số dữ liệu các chuyên đề của báo cáo
DDTM dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh
Hóa, h Hoàng Hóa, t Thanh Hóa

III. Kết luận

Biên bản này được lập thành 01 trang; 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi
bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
TS. Đào Văn Chi

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2025

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ

- Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 0521/2024/HĐKT ký ngày 21/05/2024 giữa công ty TNHH Tư vấn và chuyển giao công nghệ môi trường Thăng Long và Trung tâm Khoa học công nghệ mở và môi trường về việc viết chuyên đề phục vụ cho việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoằng Hóa, t Thanh Hóa.
- Căn cứ vào khối lượng công việc đã thực hiện;

Hôm nay, tại Công ty TNHH Tư vấn và chuyển giao công nghệ môi trường Thăng Long, chúng tôi gồm có:

1. Bên giao (gọi tắt là Bên A):

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG**

- Địa chỉ : Số 26 ngách 1 ngõ Toàn Thắng, phố Khâm Thiên, p. Thổ Quan, q. Đống Đa, tp. Hà Nội
- Người đại diện : **Ông Nguyễn Đắc Dương** Chức vụ: Giám đốc
- Tài khoản số : 1460 4311 03 000792
- Tại ngân hàng : AGRIBANK chi nhánh Nam Hà Nội
- Mã số thuế : 0101643166

2. Bên nhận (gọi tắt là Bên B)

- Tên đơn vị: **TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỞ VÀ MÔI TRƯỜNG**
- Địa chỉ : tầng 1, nhà A, trường Đại học Mở - Địa Chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Người đại diện : **Ông Đào Văn Chi** Chức vụ: **Giám đốc**
- Điện thoại : 024 3752 0356 Fax: 024 3752 0356
- Tài khoản số : 3100 211 000113
- Tại ngân hàng : AGRIBANK – CN Từ Liêm Hà Nội.
- Mã số thuế : 0100 763 654

Hai bên nhất trí nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng kinh tế số 0521/2024/HĐKT ký ngày 21/05/2024 với các nội dung sau:

1/. Bên B đã thực hiện xong việc viết các chuyên đề phục vụ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoằng Hóa, t Thanh Hóa.

2/. Bên B bàn giao cho bên A đầy đủ 01 ổ cứng USB chứa toàn bộ file dữ liệu các chuyên đề phục vụ cho lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoằng Hóa, t Thanh Hóa.

3/. Về kinh phí:

Giá trị hợp đồng : 474.120.000 đồng (đã bao gồm VAT= 8%)

Tạm ứng : 0 đồng

Giá trị thanh lý : 474.120.000 đồng

Bên A sẽ thanh toán đầy đủ số tiền theo giá trị thanh lý là: 474.120.000 đồng

(Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi tư triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)

Hai bên đều nhất trí với những điều khoản nêu trên và biên bản thanh lý hợp đồng kinh tế số 0521/2024/HĐKT có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
TS. Đào Văn Chi

ĐẠI DIỆN BÊN A



TRƯỞNG ĐỐC
Nguyễn Đức Dương

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Mẫu số - Ký hiệu (Serial No.): 1C25TAA

Số (Invoice No.): 00000009

Ngày (day) 18 tháng (month) 03 năm (year) 2025

Mã của Cơ quan thuế: 00A4F2DB5D2C284039ADC1F750A6BFDBC4

Đơn vị bán (Seller): TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG

MST (Tax Code): 0100763654

Địa chỉ (Address): Tầng I, Nhà A, Trường ĐH Mỏ - Địa Chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): 02437520356

STK (Account No.): 3100 211 000 113 - Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Từ Liêm - Hà Nội

Người mua (Buyer):

Đơn vị (Co. name): CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG THĂNG LONG

MST (Tax Code): 0101643166

Địa chỉ (Address): Số 26, ngách 1, ngõ Toàn Thắng, phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

HTTT (Pay. method): Chuyển khoản

STK (Account No.): 1460431103000792 tại NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Nam Hà Nội

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	SL (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Viết các chuyên đề phục vụ cho việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Đầu tư xây dựng KCN WHA SMART TECHNOLOGY - Thanh Hóa, h Hoàng Hóa, t Thanh Hóa. Theo Hợp đồng kinh tế số 0521/2024/HĐKT ngày 21 tháng 05 năm 2024.				439.000.000
Cộng tiền hàng (Sub total):					439.000.000
Thuế suất GTGT (Tax rate): 8%		Cộng tiền thuế GTGT (VAT amount):			35.120.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					474.120.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Bốn trăm bảy mươi tư triệu một trăm hai mươi nghìn đồng chẵn./.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Đã được ký điện tử bởi

(Signed digitally by)

TRUNG TÂM KHOA HỌC CÔNG
NGHỆ MỎ VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngày: 18/03/2025

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Giải pháp Hóa đơn Điện tử được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Bkav - MST 0101360697 - ĐT 1900 545414 - <http://ehoadon.vn>

Hóa đơn Điện tử (HDDT) được tạo ra và lưu trữ tại <http://trungtamkhoa-hoc-mo-va-moi-truong.vn>. Mã tra cứu HDDT này: BCBN702D18